TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2024/DS-ST

Ngày: 19-8-2024

"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

2. Ông Nguyễn Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Thi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 385/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024; về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2024/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2024/QĐST-DS ngày ngày 01 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Sơn Thị T, sinh năm 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Bà Hà Mộng L, sinh năm 1974 (vắng mặt không có lý do).

Thạch Nhưng B, sinh ngày 12/10/2000 (vắng mặt không có lý do).

Thạch Hà Nhật T1, sinh ngày 12/4/2010 (vắng mặt không có lý do).

Cùng địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện theo pháp luật của anh Thạch Hà Nhật T1 là bà Hà Mộng L, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01-4-2024 trong quá trình giải quyết nguyên đơn Sơn Thị T trình bày và yêu cầu như sau:

Bà Sơn Thị T có tham gia góp hụi do bà Hà Mộng L và ông Thạch Ma N làm chủ hụi rất nhiều dây, cụ thể bà T tham gia vào dây hụi số 4 loại hụi 5.000.000 đồng khui ngày 29-8-2019 (dương lịch), chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chủ hụi có giao danh sách hụi viên, có 16 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 2.500.000 đồng/lần hốt, 01 năm khui 03 lần, mỗi dây hụi bà T tham gia 01 phần (tên trong dây hụi là Chị T) và đóng được 3 lần hụi sống bằng 6.230.000 đồng, đến lần khui thứ 4 bà L, ông Ma Na ú hụi và chưa trả cho bà khoản tiền nào. Do bà L và ông Ma N là vợ chồng, bà L làm hụi và úp hụi trong thời kỳ hôn nhân với ông Ma Na . Bà L và ông Ma N có 02 người con chung là Thạch Nhưng B và Thạch Hà Nhật T1. Đến năm 2022 ông Ma Na c (cha mẹ ruột của ông Ma N chết trước ông Ma N).

Do đó bà yêu cầu bà Hà Mộng L và các con của ông Thạch Ma N là Thạch Nhưng B và Thạch Hà Nhật T1 trả tiền hụi mà bà đã đóng tổng cộng bằng 6.230.000 đồng (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 29-8-2019 dương lịch, dây hụi số 4, 01 năm hui 03 lần) có 16 hụi viên cùng tham gia. Bà T không yêu cầu tính lãi hụi.

Bị đơn bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhưng B và anh Thạch Hà Nhật T1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải hai lần vào các ngày 29-5-2024 và 27-6-2024 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất và không thống nhất:

Do đồng bị đơn vắng mặt nên không xác định được nội dung các bên thống nhất và không thống nhất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng đồng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 468, 471 và 615 của Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu

phường và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị T. Buộc bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhưng B và anh Thạch Hà Nhật T1 trả tiền hụi sống mà bà Sơn Thị T đã đóng tổng cộng 10.450.000 đồng. Buộc bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhưng B và anh Thạch Hà Nhật T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có mặt và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn bà Sơn Thị T khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại". Đồng thời bị đơn bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhưng B và anh Thạch Hà Nhật T1 cư trú tại ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TC theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đồng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ xét xử lần hai nhưng cả hai lần đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- *Về nội dung*:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Sơn Thị T yêu cầu bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhưng B và anh Thạch Hà Nhật T1 trả tiền hụi mà bà đã đóng tổng cộng bằng 6.230.000 đồng (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 29-8-2019 dương lịch, dây hụi số 4, 01 năm hui 03 lần) có 16 hụi viên cùng tham gia. Bà T không yêu cầu tính lãi.

Xét hợp đồng góp hụi giữa bà T với bà L và ông Ma N là có thật. Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2020 bà L và ông Ma N làm chủ hụi của rất nhiều dây hụi, loại hụi khác nhau trong đó có dây hụi số 4 (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 29-8-2019 dương lịch, 01 năm hui 03 lần) có 16 hụi viên cùng tham gia. Sau khi úp hụi đáng lẽ bà L và ông Ma N phải có nghĩa vụ thanh toán tiền hụi sống cho các hụi viên đã tham gia góp hụi, nhưng ông bà không thực hiện nghĩa vụ của chủ

hụi đối với hụi viên khi có yêu cầu, nên bà L và ông Ma N đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên còn sống. Việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà T nên bà T khởi kiện bà L, chị B và anh T1 (do ông Ma N đã chết) là có căn cứ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ban hành quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 36/QĐ-YCCCTLCC ngày 07-6-2024 yêu cầu bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhưng B và anh Thạch Hà Nhật T1 cung cấp bản tự khai thể hiện ý kiến, yêu cầu của bà và các anh chị đối với đơn khởi kiện của bà T và các chứng cứ để Tòa án xem xét. Ngoài ra Tòa án còn gửi kèm theo đơn khởi kiện và danh sách hụi viên do bà T nộp để yêu cầu bà L, chị B và anh T1 đối chiếu danh sách hụi viên, số tiền nguyên đơn đã đóng hụi sống. Tòa án cho bà L, chị B và anh T1 có thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định phải có văn bản phản hồi cho Tòa án nếu đối chiếu thấy số tiền nguyên đơn khởi kiện không đúng. Quyết định trên đã được tống đạt hợp lệ cho bà L, chị B và anh T1 nhưng đến hôm nay bà L, chị B và anh T1 vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến hay có văn bản phản hồi liên quan đến dây hụi mà bà Sơn Thị T khởi kiện. Đồng thời nguyên đơn bà Sơn Thị T cung cấp được danh sách hụi viên của dây hụi (bút lục 03) và xác nhận của các hụi viên cùng tham gia chơi chung dây hụi này (bút lục 10-11). Từ những căn cứ trên cho thấy việc bà T có chơi hụi như bà trình bày là có thật, số tiền đóng hụi sống đã được nêu trong công văn tống đạt cho bà L, chị B và anh T1 nhưng không có phản hồi là số tiền đó không đúng. Đồng thời mặc dù người trực tiếp đứng ra giao dịch với hụi viên là bà L, tuy nhiên việc giao dịch diễn ra trong thời kỳ hôn nhân, tiền huê hồng đầu thảo của bà L cũng phục vụ sinh hoạt và kinh tế gia đình, ông Ma N cũng không phản đối việc bà L làm chủ hụi. Do đó căn cứ quy định Điều 27 và 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì ông Ma N cũng phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà L trong giao dịch hụi này. Tuy nhiên do ông Ma N đã chết nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ma N là chị THẠCH Nhưng B và anh Thạch Hà Nhật T1 phải có nghĩa vụ cùng bà L trả khoản tiền hụi còn nợ trên phần di sản của ông Ma N để lại. Do đó yêu cầu của bà T về việc buộc bà L, chị B và anh T1 trả tiền hụi mà bà đã đóng tổng cộng bằng 6.230.000 đồng (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 29-8-2019 dương lịch, dây hụi số 4, 01 năm hui 03 lần) có 16 hụi viên cùng tham gia là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở nhận định trên và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị T; Buộc bà Hà Mộng L, chị THẠCH Nhưng B và anh Thạch Hà Nhật T1 trả tiền hụi mà bà đã đóng tổng cộng bằng 6.230.000 đồng.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Hà Mộng L, chị THẠCH Nhưng B và anh Thạch Hà Nhật T1 phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Sơn Thị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 147 và Điều 227, 228, 238, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468, 471 và Điều 615 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị T.

2. Buộc bà Hà Mộng L và hàng thừa kế thứ nhất của ông Thạch Ma N gồm: Bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhưng B và Thạch Hà Nhật T1 (do bà Hà Mộng L làm đại diện) phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Sơn Thị T tổng số tiền là 6.230.000 đồng (Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 29-8-2019 dương lịch, dây hụi số 4, 01 năm hui 03 lần) có 16 hụi viên cùng tham gia do bà Hà Mộng L và ông Thạch Ma N làm đầu thảo.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Thạch Ma N gồm: Bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhưng B và Thạch Hà Nhật T1 (do bà Hà Mộng L làm đại diện) chỉ phải thực hiện nghĩa vụ tài sản (kể cả án phí) trong phạm vi di sản mà ông Thạch Ma N chết để lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bà Hà Mộng L và hàng thừa kế thứ nhất của ông Thạch Ma N gồm: Bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhưng B và Thạch Hà Nhật T1 (do bà Hà Mộng L làm đại diện) phải chịu 311.500 đồng án phí dân sự.

Bà Sơn Thị T không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002863 ngày 10-4-2024; của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Trà Vinh cho bà Sơn Thị T.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Võ Thị Ngọc Quyền